

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 4 - 2022

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương.
2. Ông Phan Kiên Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc T1, sinh năm 1981 (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1981 (*có mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Ngọc T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Qua mai mối, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Trần Văn C tổ chức lễ cưới vào năm 2001 và đăng ký kết hôn vào ngày 29/4/2002 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C không chí thú làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc (đánh số đề) liên tục gây nợ nần, gia đình phải nhiều lần đứng ra trả nợ thay anh C. Mặc dù, chị và cha mẹ hai bên có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh C không sửa đổi dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Nên chị về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh C từ tháng 9/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ

chồng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị và anh C có với nhau 02 người con chung tên Trần Phúc T2, sinh ngày 07/3/2002 và Trần Thị Mỹ A, sinh ngày 03/11/2009 hiện chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu A, không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Do cháu T2 đã thành niên, có nghề nghiệp ổn định tự nuôi sống được bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình xét xử, bị đơn anh Trần Văn C trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị T1 về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Theo yêu cầu khởi kiện của chị T1, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Do anh còn tình cảm với chị T1 và thương con nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Anh không có ý kiến, tùy Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về hôn nhân: Chị T1 và anh C là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân anh C không chí thú làm ăn, thường xuyên tham gia cờ bạc gây nợ; mặc dù chị T1 và gia đình đã khuyên ngăn nhưng anh C không sửa đổi dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Chị T1 và anh C có thời gian sống ly thân từ tháng 9/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với anh C. Căn cứ vào lời trình bày của chị T1, anh C và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận hôn nhân giữa chị T1 và anh C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị T1 và anh C.

[3] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Xét cháu T2 là người đã thành niên, có nghề nghiệp tự nuôi sống được bản thân, chị T1 và anh C không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Xét cháu A đã trên 12 tuổi có nguyện vọng được sống với chị T1, hiện cháu đang do chị T1 nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu A cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị T1 không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị T1 phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Ngọc T1 và anh Trần Văn C.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Trần Thị Mỹ A, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2009 cho chị Bùi Ngọc T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Bùi Ngọc T1 không yêu cầu anh Trần Văn C cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Bùi Ngọc T1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong

số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0010446 ngày 04 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Bùi Ngọc T1, anh Trần Văn C. Báo cho chị T1, anh C biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã M: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân